

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 109/2022/DS-PT

Ngày 17-8-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

*Các Thẩm phán:*

Ông Võ Hoàng Khải

Ông Hồ Văn Luông

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:** Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo, kháng nghị

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 129/2022/QĐPT-DS ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1. Ông Lê Công V, sinh năm: 1950;

1.2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1953.

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã Lương Ngh, huyện M, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Số 79, Hùng V1, phường 5, thành phố V2, Hậu Giang. (Văn bản uỷ quyền ngày 31/12/2021), có mặt.

**2. Bị đơn:**

2.1. Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm: 1961.

2.2. Bà Lê Thị Th, sinh năm: 1961.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn Tr: Bà Lê Thị Th, sinh năm: 1961.

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Vĩnh Thuận Đ1, huyện M, tỉnh Hậu Giang. (Văn bản uỷ quyền ngày 19/01/2022), bà Th có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị C, sinh năm: 1956.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Vĩnh Thuận Đ1, huyện M, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Lê Thị Th là bị đơn trong vụ án.

5. Cơ quan kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang kháng nghị.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn Đ trình bày:*

Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 26/10/2010 vợ chồng ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Đ (gọi tắt là vợ chồng ông V) đã vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần K (gọi tắt là ngân hàng) số tiền 320.000.000đồng, lãi suất vay theo hợp đồng tín dụng là 1.5%/tháng, lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Sau khi vay tiền ngân hàng về, vợ chồng ông V đã cho vợ chồng bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Văn Tr (gọi tắt là vợ chồng bà Th) vay lại toàn bộ số tiền 320.000.000đồng, khi cho vợ chồng bà Th vay lại thì hai bên cũng thỏa thuận lãi suất bằng với lãi suất mà vợ chồng ông V đã vay của ngân hàng, việc cho vay lại tiền thì hai bên không có làm giấy tờ gì, thỏa thuận khi nào vợ chồng ông V đến hạn trả tiền cho ngân hàng thì vợ chồng bà Th phải trả lại số tiền này. Nhưng từ ngày vay tiền đến nay thì vợ chồng bà Thuỷ không trả vốn cũng như không đóng lãi cho vợ chồng ông V.

Do không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên vào năm 2014, ngân hàng đã khởi kiện vợ chồng ông V và Tòa án đã buộc vợ chồng ông V trả cho ngân hàng số tiền 625.956.054đồng bao gồm cả vốn và lãi, đến nay vợ chồng ông V vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ theo bản án có hiệu lực của Tòa án.

Vợ chồng ông V đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà Th trả lại số tiền đã vay, nhưng đến nay vợ chồng bà Th vẫn chưa trả. Vì vậy, nay vợ chồng ông V yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Th phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông V số tiền 625.956.054đồng và lãi suất 1,67%/tháng tính từ ngày 19/9/2014 đến nay.

*Bị đơn bà Lê Thị Th đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn Tr trình bày:*

Bà Th thừa nhận năm 2014 vợ chồng bà có vay của vợ chồng ông V số tiền vốn 320.000.000đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng, bằng với lãi suất của ngân hàng cho vay. Nhưng sau khi vay tiền vào năm 2014 thì vợ chồng bà làm ăn thất bại, kinh tế gặp khó khăn nên chưa trả vốn và lãi cho vợ chồng ông V. Tuy nhiên, trong số tiền 320.000.000đồng thì bà Th có chia lại cho bà Ngô Thị C vay ½ số tiền, nhưng hiện nay bà C không thừa nhận có vay chung với bà Th và cũng không trả tiền lại cho bà Th. Do đó, nay ông V khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền còn nợ thì vợ chồng bà cũng đồng ý, nhưng xin trả số tiền 621.866.666đồng là số tiền mà vợ chồng ông V phải trả cho ngân hàng theo bản án của Tòa và mong vợ chồng ông V thôi không tính lãi từ năm 2014 đến nay để vợ chồng bà có điều kiện trả nợ cho vợ chồng ông V.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị C (gọi tắt là bà C) trình bày:*

Bà là chị em bạn dâu với bà Th, bà không thừa nhận việc có nhận  $\frac{1}{2}$  số tiền vay của vợ chồng bà Th, ông Trộn vì trước đây bà cũng có vay tiền của Ngân hàng K - chi nhánh V1 để làm ăn nên bà có giới thiệu cho vợ chồng bà Th vay tiền của Ngân hàng K ở huyện M. Do vợ chồng bà Th không vay được tiền, nên vợ chồng bà Th, ông Trộn mới mượn Giấy tờ đất của vợ chồng ông V để vay tiền ngân hàng K. Còn số tiền vợ chồng bà Th vay bao nhiêu thì bà không rõ, bà cũng không có chia khoản tiền nào của bà Th. Nay vợ chồng ông V khởi kiện vợ chồng bà Th thì bà không đồng ý trả  $\frac{1}{2}$  số tiền nợ cho ông V vì bà không có liên quan gì đối với số tiền này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Theo đơn khởi kiện ban đầu ông V, bà Đ yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Th, ông Tr có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông V số tiền 625.956.054 đồng và trả lãi 1,67%/tháng từ năm 2014 đến nay, nhưng nay ông V, bà Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Th, ông Tr trả số tiền 621.866.666 đồng theo bản án phúc thẩm số 05 ngày 19/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang và yêu cầu tính lãi 1,5%/tháng. Do đó ông Đ1 yêu cầu vợ chồng bà Th có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông V với số tiền được tính như sau: yêu cầu trả số tiền 621.866.666 đồng theo bản án phúc thẩm và tiền lãi tính từ ngày 19/9/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm là 29/4/2022 (tương đương 91 tháng) x 1,5%/tháng x 621.866.666 đồng với số tiền lãi là 845.040.672 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 1.470.996.726 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Th đồng ý trả số tiền vay còn nợ theo bản án phúc thẩm số 05 của Tòa án tỉnh Hậu Giang là 621.866.666 đồng, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà Th xin không trả lãi tiếp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà C không thừa nhận có nhận tiền của bà Th và không đồng ý trả nợ cho vợ chồng ông V cùng với bà Th, vì bà C không có liên quan trong số tiền nợ này.

Tại bản án sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Công V, bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Tr, bà Lê Thị Th trả lại số tiền vay còn nợ.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Tr, bà Lê Thị Th có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Lê Công V, bà Nguyễn Thị Đ số tiền 1.060.266.666 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó số tiền gốc là 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu) và lãi theo bản án phúc thẩm số 05 là 301.866.666 đồng (ba trăm lẻ một triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), lãi từ ngày 19/9/2014 đến ngày 29/4/2022 là 438.400.000 đồng (bốn trăm ba mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Dành quyền khởi kiện cho bà Lê Thị Th, ông Nguyễn Văn Tr đối với bà Ngô Thị C để đòi lại số tiền vay theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, bị đơn bà Lê Thị Thkháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hậu Giang: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng sửa án sơ thẩm: bà chỉ đồng ý trả 160.000.000đồng và lãi theo thỏa thuận, còn 160 triệu đồng đề nghị bà Ngô Thị C có trách nhiệm trả cho ông V, bà Đ vì số tiền này bà Cẩm cùng vay với bà.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang có quyết định kháng nghị số 19/QĐ-VKS-DS kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hậu Giang: Theo hướng giảm lãi suất cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu bà C có trách nhiệm cùng bà trả cho ông V 160 triệu đồng, bà thừa nhận bà có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V đi thế chấp ngân hàng vay 320 triệu đồng, nhưng sau đó bà C chỉ đưa lại cho bà 160 triệu đồng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Th, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm lãi suất cho bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết là đúng quy định.

[2]. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thị Th kháng cáo trong thời hạn luật định, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang có quyết định kháng nghị trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3]. Đối với kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Th về việc bà chỉ đồng ý trả 160.000.000đồng trong tổng số tiền 320.000.000đồng đã vay và lãi suất theo thỏa

thuận, buộc bà Ngô Thị C có trách nhiệm trả 160.000.000đồng cho ông V, bà Đ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Th thừa nhận vợ chồng bà có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V nhờ vợ chồng ông V đi vay cho bà số tiền 320 triệu đồng từ năm 2010 là có và được hai bên thừa nhận, tuy nhiên bà cho rằng bà Lê Thị C chỉ đưa cho bà 160 triệu đồng, tuy nhiên bà C không thừa nhận và bà Th cũng không có chứng cứ gì chứng minh, do vậy cấp sơ thẩm nhận định bà Th có quyền khởi kiện bà C trong vụ án khác khi bà có chứng cứ chứng minh là có căn cứ.

Đối với số nợ của ông Tr, bà Th với vợ chồng ông V, mặc dù ông V đi vay ngân hàng về cho bà vay lại giữa vợ chồng bà và vợ chồng ông V xuất phát từ giao dịch vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng, việc thỏa thuận chịu lãi của vợ chồng bà Th đối với số tiền 320.000.000đồng thời điểm vay năm 2010 là vượt quá 150% của lãi suất cơ bản của Bộ luật dân sự năm 2005 điều chỉnh nên Hội đồng xét xử tính lãi lại, trên số tiền vay 320.000.000đồng chứ không phải số tiền 621.886.666 đồng mà bản án dân sự phúc thẩm năm 2014 buộc vợ chồng ông V trả cho Ngân hàng K.

Cụ thể: Lãi từ ngày vay ngày 26/10/2010 đến ngày 01/01/2017 là ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực là 75 tháng với số tiền là 320.000.000đồng x 1,125% x 75 tháng = 270.000.000 đồng.

Lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/4/2022 là 63 tháng với số tiền là 320.000.000đồng x 1,67% x 63 tháng = 336.672.000 đồng.

Như vậy số tiền vợ chồng ông Tr, bà Th phải trả cho ông V, bà Đ tổng cộng là 926.672.000đồng (trong đó nợ gốc là 320.000.000đồng, nợ lãi là 606.672.000đồng).

[4] Đối với quyết định kháng nghị, Hội đồng xét xử xét thấy: Các đương sự thừa nhận nguyên đơn sau khi vay tiền từ ngân hàng K về cho bị đơn vay lại vào năm 2010, nên được xác định là hợp đồng vay tài sản có lãi không phải là hợp đồng tín dụng được xác lập trước ngày 01/01/2017 (ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực). Do vậy, khi giải quyết vụ án buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả lãi cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 2; Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Từ những cơ sở trên, có căn cứ chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lê Thị Th, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hậu Giang.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn và Bị đơn là người cao tuổi nên được miễn theo quy định.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 471; 476 Bộ luật dân sự 2005;

Điều 463; 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Th.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Công V, bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Tr, bà Lê Thị Th trả lại số tiền vay còn nợ.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Tr, bà Lê Thị Th có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Lê Công V, bà Nguyễn Thị Đ số tiền 926.672.000 đồng (Trong đó số tiền gốc là 320.000.000 đồng lãi là 606.672.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Dành quyền khởi kiện cho bà Lê Thị Th, ông Nguyễn Văn Tr đối với bà Ngô Thị C để đòi lại số tiền vay theo quy định pháp luật.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn được miễn.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Lê Thị Th được miễn theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 17/8/2022.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện M, Hậu Giang;
- Chi cục THADS huyện M, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Bích Hạnh**